

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 275/2024/KDTM-PT

Ngày: 31/12/2024

V/v: Tranh chấp hợp đồng thi công

## **NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

*Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:*

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Bích Thảo

Các Thẩm Phán: 1. Bà Trương Thị Quỳnh Trân  
2. Ông Đào Quốc Thịnh

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Tuấn

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:  
Bà Vũ Thị Minh – Kiểm sát viên.

Ngày 31/12/2024, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 217/2024/TLPT-KDTM ngày 31/10/2024 về việc: “Tranh chấp hợp đồng thi công”.

Do bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 150/2024/KDTM-ST ngày 09/7/2024 của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 6297/2024/QĐ-PT ngày 27/11/2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 18451/2024/QĐ-HPT ngày 20/12/2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Công ty TNHH K1

Địa chỉ: 4 N, Phường D, Quận H, Tp ..

*Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn*: Ông Mai Đình K (Có mặt)

Địa chỉ: 6 Đường số A, phường T, tp ., Tp . (Theo Giấy ủy quyền ngày 13/9/2023).

- *Bị đơn*: Tổng Công ty X - CTCP

Địa chỉ: A P, phường B, Quận A, Tp ..

*Người đại diện hợp pháp của bị đơn*: Ông Trần Mạnh T (Có mặt)

Địa chỉ: A P, phường B, Quận A, Tp . (Theo Giấy ủy quyền số 1644/TCT-PC ngày 09/12/2024).

Người kháng cáo: Tổng Công ty X - CTCP - là Bị đơn.

### NỘI DUNG VỤ ÁN:

\* Theo Đơn khởi kiện ngày 20/9/2023, trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, ông Mai Đình K là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Tổng Công ty X - CTCP (viết tắt CC1 hoặc Tổng Công ty X) là bị đơn ký hợp đồng chính với Công ty TNHH C – Tổng thầu thi công dự án Nhà máy N tại Khu K - T - Thanh Hóa. Theo đó, bị đơn ký 06 hợp đồng thầu phụ và phụ lục hợp đồng với nguyên đơn - Công ty TNHH K1 (Viết tắt Công ty K1) để nguyên đơn thi công xây dựng các gói thầu tại dự án này, cụ thể:

| Dự án - Hợp đồng                                                                                                                                             | Giá trị hợp đồng | Đã thanh toán   | Còn nợ theo hợp đồng tính đến 01/09/2023 | CC1 Trả tiền ngày 12/9/2023 | Còn nợ tới ngày 20/9/2023 theo đơn khởi kiện | Lãi suất tính từ 01/4/2023 đến 09/7/2024 tại Tòa sơ thẩm (tính tròn số) | Tổng tiền CC1 nợ |
|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------|-----------------|------------------------------------------|-----------------------------|----------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------|------------------|
|                                                                                                                                                              |                  |                 | 1                                        | 2                           | 3                                            | 4                                                                       | 5=(3+4)          |
| Hợp đồng thầu phụ số: HĐ-CC1/VT-NS2-020 ngày 15/12/2018; Phụ lục hợp đồng số: PLHĐ-CC1/VT-NS2-020A ngày 23/11/2019, số: PLHĐ-CC1/VT-NS2-020B ngày 25/5/2022; | 39,791,278,729   | 35,828,198,075  | 3,963,080,654                            |                             | 3,963,080,654                                | 2 tỷ đồng                                                               | 26,459,982,200   |
| Hợp đồng thầu phụ số: HĐ-CC1/VT-NS2-026 ngày 15/10/2018; Phụ lục hợp đồng số: PLHĐ-CC1/VT-NS2-026A ngày 25/3/2019                                            | 4,568,995,200    | 4,361,000,000   | 207,995,200                              | 207,995,200                 | -                                            |                                                                         |                  |
| Hợp đồng thầu phụ số: HĐ-CC1/VT-NS2-028 ngày 16/01/2019; Phụ lục hợp đồng số: PLHĐ-CC1/VT-NS2-028A ngày 25/5/2022                                            | 164,360,449,301  | 143,863,547,755 | 20,496,901,546                           |                             | 20,496,901,546                               |                                                                         |                  |

|                                                                                                                                                                                |                        |                        |                       |                    |                       |                 |                       |
|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|------------------------|-----------------------|--------------------|-----------------------|-----------------|-----------------------|
| Hợp đồng thầu phụ số: HĐ-CC1/VT-NS2-035 ngày 20/03/2019; Phụ lục hợp đồng số: PLHD-CC1/VT-NS2-035A ngày 26/02/2020 và Phụ lục hợp đồng số: PLHD-CC1/VT-NS2-035B ngày 25/5/2020 | 27,594,563,957         | 27,594,563,957         | 0                     |                    |                       | -               |                       |
| Hợp đồng thầu phụ số: HĐ-CC1/VT-NS2-036 ngày 28/03/2019; Phụ lục hợp đồng số: PLHD-CC1/VT-NS2-036A ngày 10/4/2021                                                              | 4,590,571,844          | 3,963,000,000          | 627,571,844           | 627,571            |                       | -               |                       |
| Hợp đồng thầu phụ số: HĐ-CC1/VT-NS2-050 ngày 20/06/2020; Phụ lục hợp đồng số: PLHD-CC1/VT-NS-050A ngày 15/7/2020 và Phụ lục hợp đồng số: PLHD-CC1/VT-NS2-050B ngày 08/8/2022   | 99,776,783,702         | 99,776,783,702         | 0                     | ,844               |                       | -               |                       |
| <b>Tổng cộng</b>                                                                                                                                                               | <b>340,682,642,733</b> | <b>315,387,093,489</b> | <b>25,295,549,244</b> | <b>835,567,044</b> | <b>24,459,982,200</b> | <b>2tỷ đồng</b> | <b>26,459,982,200</b> |

Bị đơn còn nợ nguyên đơn giá trị các hợp đồng còn nợ 24.459.982.200 đồng; Tiền lãi chậm trả từ ngày 01/4/2023 đến ngày 01/7/2024 theo mức lãi suất là 8%/năm, số tiền là: 24.459.982.200 đồng x 8%/năm x 15 tháng = 2.445.998.220 đồng. Về tiền lãi chậm trả, nguyên đơn đồng ý giảm một phần trên tổng tiền lãi, chỉ tính tròn số tiền lãi là 2.000.000.000 (hai tỷ) đồng. Tổng cộng nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền là: 26.459.982.200 đồng (Hai mươi sáu tỷ bốn trăm năm mươi chín triệu chín trăm tám mươi hai nghìn hai trăm đồng) ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

*\* Bị đơn là Tổng Công ty X, trong quá trình chuẩn bị xét xử cũng như tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền trình bày:*

Bị đơn xác nhận về việc ký kết 06 hợp đồng thầu phụ và phụ lục hợp đồng với nguyên đơn để nguyên đơn thi công xây dựng các gói thầu tại dự án Nhà máy N tại

Khu K - T - Thanh Hóa như trình bày của nguyên đơn nêu trên. Tổng giá trị thanh quyết toán của 06 Hợp đồng và phụ lục hợp đồng là: 340.682.642.734 đồng (Ba trăm bốn mươi tỷ sáu trăm tám mươi hai triệu sáu trăm bốn mươi hai nghìn bảy trăm ba mươi bốn đồng), trong đó bị đơn đã thanh toán: 316.222.660.534 đồng. Giá trị công nợ còn lại bị đơn chưa thanh toán cho nguyên đơn số tiền là: 24.459.982.200 đồng (Hai mươi bốn tỷ bốn trăm năm mươi chín triệu chín trăm tám mươi hai nghìn hai trăm đồng).

Tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn đề xuất phương án thanh toán như sau: Trong vòng hai tháng kể từ ngày xử sơ thẩm bị đơn thanh toán 15% giá trị công nợ, số còn lại chia đều thanh toán mỗi tháng đến hết năm 2025 và đề nghị nguyên đơn không tính tiền lãi suất chậm trả.

Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 150/2024/KDTM-ST ngày 09/7/2024 của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 138, Điều 147 Luật Xây dựng năm 2014; Điều 306 Luật Thương mại năm 2005;

Căn cứ Điều 11, Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự 2008; sửa đổi, bổ sung năm 2014.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc Tổng Công ty X - CTCP phải có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty TNHH K1 tổng cộng số tiền nợ gốc và lãi là: 26.459.982.200 đồng (Hai mươi sáu tỷ bốn trăm năm mươi chín triệu chín trăm tám mươi hai nghìn hai trăm đồng) ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, nếu Tổng Công ty X - CTCP chậm thực hiện nghĩa vụ trả số tiền nói trên thì còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

- Ngày 19/7/2024 Tổng Công ty X có đơn kháng cáo một phần Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 150/2024/KDTM-ST ngày 09/7/2024 của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

\* Đại diện Bị đơn không đồng ý phần Quyết định của Bản án sơ thẩm buộc bị đơn tiếp tục trả lãi chậm thanh toán theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 (10%/năm), đề nghị sửa lại 8%/năm như nguyên đơn đã tính.

\* Nguyên đơn xác định sau thời điểm xét xử đề nghị tính lãi chậm thi hành án theo quy định của Điều 306 Luật thương mại, nguyên đơn tự nguyện tính lãi theo lãi suất nợ quá hạn trung bình là 10%/năm.

*\* Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh:*

- Về tố tụng: Qua kiểm sát vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm xét xử thấy Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định về thẩm quyền giải quyết vụ án, Tòa án có quyết định đưa vụ án ra xét xử và gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng thời hạn, cấp và tổng đạt các văn bản tố tụng cho người tham gia tố tụng và Viện kiểm sát theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa tiến hành đúng trình tự pháp luật Tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý cũng như tại phiên tòa nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Không chấp nhận kháng cáo của Tổng Công ty X. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, giữ nguyên Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 150/2024/KDTM-ST ngày 09/7/2024 của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng, quan điểm của Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1] Căn cứ vào Đơn khởi kiện ngày 20/9/2023 của Công ty K1 cấp sơ thẩm xác định việc khởi kiện của nguyên đơn là tranh chấp hợp đồng thi công.

Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần M đăng ký lần đầu ngày 29/7/2010, thay đổi lần thứ 14 ngày 06/01/2023 thì Tổng Công ty X-CTCP có địa chỉ trụ sở chính số A P, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh, Tòa án nhân dân Quận 1 áp dụng khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự là đúng quy định.

[1.2] Bị đơn là Tổng Công ty X kháng cáo một phần Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm và đã thực hiện nộp tạm ứng án phí phúc thẩm đúng theo quy định tại Điều 276 Bộ luật Tố tụng dân sự nên thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa Kinh tế Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh căn cứ theo điểm b khoản 3 Điều 38 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung kháng cáo và trình bày tại phiên tòa phúc thẩm: bị đơn không đồng ý phần Quyết định của Bản án sơ thẩm buộc bị đơn tiếp tục trả lãi chậm thanh toán theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 (10%/năm), đề nghị sửa lại 8%/năm như nguyên đơn đã tính.

Hội đồng xét xử xét thấy do tranh chấp giữa các bên thuộc lĩnh vực kinh doanh thương mại, quyền yêu cầu tiền lãi do chậm thanh toán là trường hợp thuộc phạm vi điều chỉnh tại Điều 306 Luật thương mại và Điều 11 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Hội đồng xét xử phúc thẩm thu thập lãi suất trung, dài hạn của Ngân hàng TMCP C1 cung cấp ngày 15/7/2024 là 12,50%/năm, lãi suất nợ quá hạn = 150% lãi suất vay trong hạn là 18,75%/năm; Ngân hàng TMCP Đ cung cấp ngày 17/7/2024 là 9%/năm, lãi suất nợ quá hạn = 150% lãi suất vay trong hạn là 13,5%/năm; Ngân hàng N1 cung cấp ngày 16/7/2024 là 9%/năm, lãi suất nợ quá hạn = 150% lãi suất vay trong hạn là 13,5%/năm. Vậy lãi suất nợ quá hạn trung bình của 03 ngân hàng trên là 15,25%/năm.

Tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn tự nguyện tính lãi chậm trả là 8%/năm, không phải các đương sự thỏa thuận lãi chậm trả 8%/năm do đó bị đơn kháng cáo cho rằng theo quy định điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì phải tính lãi chậm trả theo lãi suất thỏa thuận 8% là không có cơ sở.



Phần Quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm có nội dung: “Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, nếu Tổng Công ty X - CTCP chậm thực hiện nghĩa vụ trả số tiền nói trên thì còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015” là chưa chính xác.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn không đồng ý tiếp tục tính lãi 8% mà yêu cầu tính lãi theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán quy định tại Điều 306 Luật thương mại, nguyên đơn tự nguyện tính lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường là 10%/năm. Như đã phân tích trên lãi suất nợ quá hạn trung bình của 03 ngân hàng trên là 15,25%/năm, nguyên đơn tự nguyện tính 10%/năm là có lợi cho bị đơn nên ghi nhận.

Do đó cần điều chỉnh như sau: “Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, Tổng Công ty X - CTCP còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền gốc còn phải thi hành án theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả quy định tại Điều 306 Luật thương mại (nguyên đơn tự nguyện tính lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường là 10%/năm)”.

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[4] Về án phí phúc thẩm: Do giữ nguyên bản án sơ thẩm nên người kháng cáo phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Từ những nhận định trên,

- Căn cứ Khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Tổng Công ty X - CTCP.

- Giữ nguyên Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 150/2024/KDTM-ST ngày 09/7/2024 của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc Tổng Công ty X - CTCP có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty TNHH K1 số tiền 26.459.982.200 đồng (Hai mươi sáu tỷ bốn trăm năm mươi chín triệu chín

trăm tám mươi hai nghìn hai trăm đồng) bao gồm nợ gốc 24.459.982.200 đồng (Hai mươi bốn tỷ bốn trăm năm mươi chín triệu chín trăm tám mươi hai nghìn hai trăm đồng) và lãi chậm thanh toán 2.000.000.000 đồng (Hai tỷ đồng) ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, Tổng Công ty X - CTCP còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền gốc còn phải thi hành án theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả quy định tại Điều 306 Luật thương mại (nguyên đơn tự nguyện tính lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường là 10%/năm).

Thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

## 2. Về án phí:

### 2.1 Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Tổng Công ty X - CTCP phải chịu án phí sơ thẩm số tiền: 134.459.982 đồng (Một trăm ba mươi bốn triệu bốn trăm năm mươi chín nghìn chín trăm tám mươi hai đồng).

H lại cho Công ty TNHH K1 số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 66.637.658 (Sáu mươi sáu triệu sáu trăm ba mươi bảy nghìn sáu trăm năm mươi tám) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2023/0044797 ngày 26 tháng 10 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 1, Tp ..

### 2.2. Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm:

Tổng Công ty X - CTCP phải chịu án phí phúc thẩm 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008481 ngày 06/8/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Tổng Công ty X – CTCP đã đóng đủ án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.



***Nơi nhận:***

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân cấp cao tại TP HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh;
- Cục THA DS TPHCM;
- Chi cục THA DS Quận 1;
- TAND Quận 1;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

**TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHỨC THẨM  
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Hoàng Thị Bích Thảo**